



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chỉ đạo biên soạn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Chỉ đạo nội dung

TS. TRẦN THANH NAM - THỨ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Biên soạn

VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG
BÁO NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

LỜI GIỚI THIỆU

Bộ cẩm nang Nông thôn mới bao gồm 03 cuốn là sự tổng hợp, đúc kết các nội dung căn bản, cốt lõi để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Tiếp theo cuốn “Nông thôn mới: Cuộc hành trình lịch sử” viết về quá trình xây dựng nông thôn mới, các kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện và định hướng mục tiêu, nội dung, giải pháp cho Chương trình giai đoạn 2021-2025, cuốn cẩm nang ***Hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*** sẽ tập trung vào các hướng dẫn để thực hiện Chương trình, trong đó trọng tâm là Bộ tiêu chí xây dựng NTM các cấp (xã, huyện, tỉnh) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) và quy trình đánh giá, xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra, cuốn sách sẽ giới thiệu về các nội dung thành phần của Chương trình và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Xây dựng nông thôn mới ngày càng đi vào chiều sâu và chất lượng đòi hỏi mỗi cán bộ thực hiện, cộng đồng và người dân cần hiểu đúng, toàn diện về Chương trình. Trong bối cảnh Chương trình mang tính đa ngành cao, liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của rất nhiều bộ ngành, địa phương, phạm vi thực hiện trong cả nước nên số lượng văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện Chương trình lên tới hơn 100 văn bản. Đồng thời, các văn bản này cũng đang và sẽ được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn xây dựng NTM tại các địa phương và thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành đã có. Do vậy, cẩm nang không kỳ vọng sẽ cung cấp đầy đủ, toàn văn các văn bản này, mà sẽ hệ thống hóa lại các quy định với những điểm nhấn về các nội dung trọng tâm của Chương trình sẽ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song cẩm nang này khó tránh khỏi những hạn chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất mong nhận được ý kiến góp ý của độc giả, địa phương, các chuyên gia để tiếp tục hoàn thiện cuốn sách trong những lần phát hành tiếp theo.

Hà Nội, tháng 6 năm 2023



Trần Thanh Nam

THỨ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Ở trung ương, thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025; nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 giao, trong năm 2021-2022, các bộ, ngành đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt 115 văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, tạo cơ sở pháp lý để chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình, gồm:

- 02 Nghị định của Chính phủ;
- 04 Nghị quyết của Chính phủ;
- 24 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- 85 văn bản hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương và các bộ, ngành trung ương.



1. Các nội dung thành phần của Chương trình

Chương trình được thiết kế với 11 nội dung thành phần và 54 nội dung, được quy định rõ trong Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.



Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tham quan vùng nguyên liệu của Hợp tác xã chè Hào Đạt, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên ngày 13/1/2023.

Nội dung thành phần số 1:

Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống KTXH nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.



Nội dung thành phần số 2:

Phát triển hạ tầng KTXH, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

Các bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Nội dung thành phần số 3:**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.





Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm vùng sản xuất nông nghiệp xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La ngày 28/5/2022.

Nội dung thành phần số 4:

Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, bãi ngang ven biển và hải đảo.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Bộ Xây dựng đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.



Nội dung thành phần số 5:

Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.



Nội dung thành phần số 6:

Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản hướng dẫn thực hiện.



Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Keo (Thái Bình)

Nội dung thành phần số 7:

Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.



Nội dung thành phần số 8:

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Nội dung thành phần số 9:**

Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM

Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã có các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Nội dung thành phần số 10:**

Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đã có văn bản hướng dẫn thực hiện.



Nội dung thành phần số 11:

Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; Nâng cao năng lực xây dựng NTM; Truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua Cả nước chung sức xây dựng NTM

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ đã có văn bản hướng dẫn thực hiện.



Một số vấn đề cơ bản cần quan tâm

Tiếp cận linh hoạt về tiêu chí trong xây dựng NTM:

(i) Lấy tiêu chí cảnh quan, môi trường, văn hóa, sản xuất làm xương sống; (ii) Phù hợp với điều kiện, phong tục tập quán, văn hóa và lợi thế của từng địa phương.

Thúc đẩy nguồn lực và sự tự chủ của cộng đồng:

(i) Dựa trên vai trò chủ thể và trách nhiệm xã hội có tính đặc thù của nông dân; (ii) Phát huy hình thức quản lý cộng đồng theo tinh thần tự nguyện và gương mẫu; (iii) Các mô hình kiểu mẫu như khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu, phát triển OCOP... đều dựa trên nguyên tắc phát triển nội sinh, tự nguyện.

Bảo tồn văn hóa nông thôn:

(i) Duy trì cây xanh để giữ hồn cốt của làng quê nông thôn, giảm thiểu tiêu cực của vấn đề kiên cố, bê tông hóa hạ tầng; (ii) Duy trì không gian văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, bảo đảm hiện đại nhưng giữ gìn được bản sắc văn hóa truyền thống.

Phát triển sản phẩm OCOP:

Vấn đề phát triển kinh tế nông thôn sẽ đóng vai trò then chốt, nòng cốt để thúc đẩy xây dựng NTM nâng cao và kiểu mẫu một cách hiệu quả và bền vững. Thúc đẩy thực hiện Chương trình OCOP để phát huy các giá trị văn hóa, đặc sản của địa phương gắn với phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn.

2. Cơ chế thực hiện

2.1. Cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương

- Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, HĐND cấp tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang – Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia tham dự Lễ khánh thành Trung tâm chế biến rau, quả Doveco tại tỉnh Sơn La.



- Các dự án thuộc các nội dung thành phần của Chương trình sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương phải được lập, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản pháp luật hiện hành.

2.2. Cơ chế hỗ trợ

- Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện:

+ Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để thực hiện).

- Hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau:

+ Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trạm y tế xã; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản; các công trình cấp nước sinh

hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp;...

+ Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP... Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại.



2.3. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án

- Chủ đầu tư các dự án xây dựng NTM:

+ Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: UBND xã là chủ đầu tư. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì UBND cấp huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của UBND xã.

+ Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô cấp huyện, liên xã: UBND cấp tỉnh lựa chọn chủ đầu tư đảm bảo có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng, để thực hiện.

- Cơ chế đầu tư:

+ Đối với các dự án có quy mô nhỏ, thiết kế đơn giản thực hiện theo cơ chế đặc thù rút gọn theo quy định của Chính phủ.

+ Đối với các dự án khác thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.



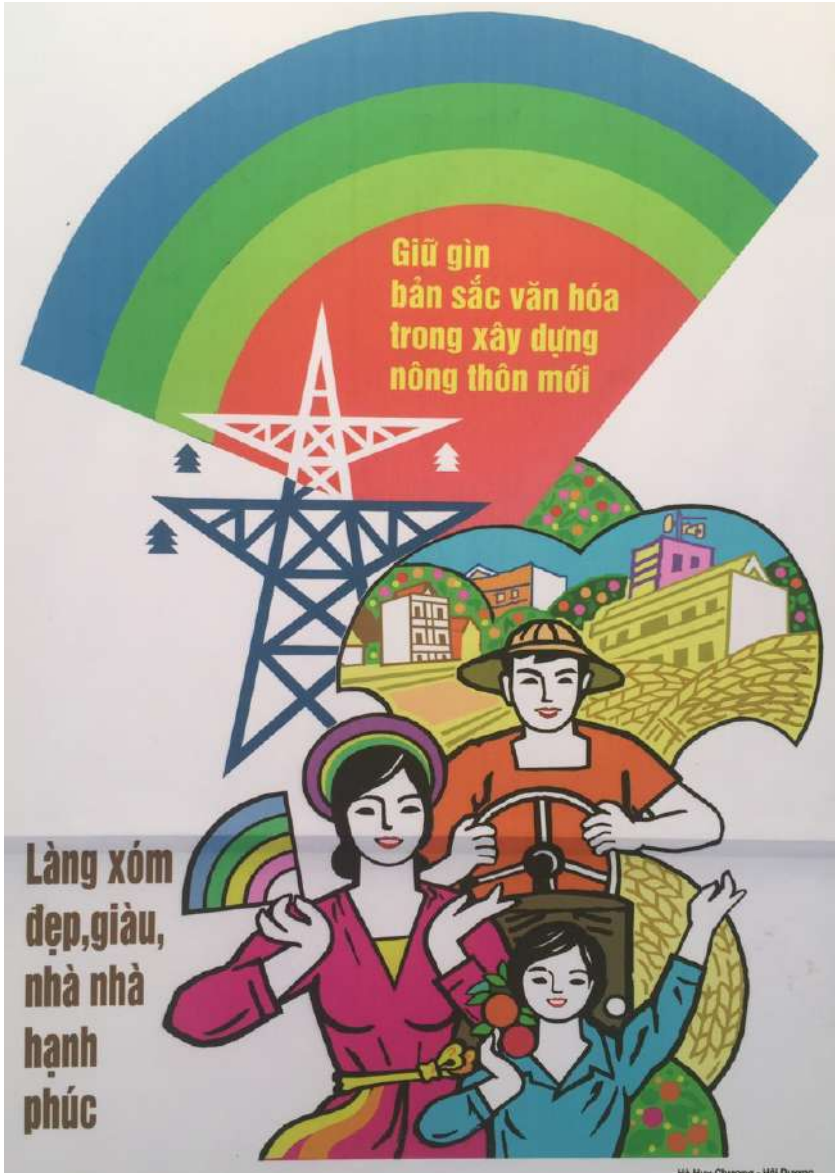
PHẦN

2

**BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA
VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**







1. Bộ tiêu chí về NTM giai đoạn 2010 - 2020

- Với việc lựa chọn cấp xã làm đơn vị cơ sở để xây dựng NTM, Bộ tiêu chí đầu tiên về NTM đã được xây dựng và áp dụng ở cấp xã theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ với 19 tiêu chí (39 chỉ tiêu cụ thể) và 5 nhóm nội dung. Các tiêu chí có định mức đạt chuẩn khác nhau theo 07 vùng sinh thái để phù hợp với khả năng thực hiện của các vùng, miền, tạo động lực phấn đấu khả thi cho cả vùng khó khăn, đúng ý nghĩa của xây dựng NTM là thực hiện ở tất cả các địa phương trên cả nước.

- Để triển khai các nội dung của Chương trình trong giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020. Bộ tiêu chí mới cơ bản giữ nguyên kết cấu so với giai đoạn trước. Tuy nhiên, số chỉ tiêu cụ thể tăng từ 39 lên 49 chỉ tiêu, trong đó có 13 chỉ tiêu thuộc 06 tiêu chí được phân cấp cho UBND cấp tỉnh quy định để phù hợp với điều kiện đặc thù và nhu cầu phát triển KTXH của địa phương.

*Chủ tịch Quốc hội
Nguyễn Thị Kim Ngân
dự Ngày hội Đại đoàn kết
toàn dân tộc tại tỉnh
Yên Bái ngày 15/11/2020.*



- Bên cạnh Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, để thúc đẩy các xã sau khi đạt chuẩn tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng những kết quả đạt được, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản hướng dẫn các địa phương xây dựng xã NTM nâng cao (Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ NN&PTNT). Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 (Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

Ngoài ra, để phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp huyện trong xây dựng NTM, hình thành các vùng sản xuất tập trung, tạo sự kết nối liên xã, liên vùng trong phát triển KTXH nông thôn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 558/QĐ-TTg về ban hành Bộ tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (bao gồm 09 tiêu chí áp dụng trên phạm vi



Mô hình kinh tế của HTX nông nghiệp và thương mại Mường Động, Kim Bôi (Hòa Bình) - một trong những HTX tiêu biểu được Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tới thăm ngày 18/8/2017.

Bộ tiêu chí quốc gia về NTM là công cụ quan trọng để cụ thể hóa các yêu cầu đặt ra trong mục tiêu tổng thể và xây dựng nội dung của Chương trình MTQG xây dựng NTM. Từ đó, định hướng cho các địa phương thực hiện bằng các chỉ tiêu có thể đo đếm và tạo sự quan tâm hài hòa trên các lĩnh vực, đồng thời là căn cứ để theo dõi, kiểm tra, đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM.

Đến hết năm 2020, Chương trình đã hoàn thành vượt mục tiêu được Đảng và Nhà nước giao thực hiện trong giai đoạn 2010-2020, cụ thể:

- Cả nước có 5.157 trong tổng số 8.267 xã (62,4%) đạt chuẩn nông thôn mới (vượt mục tiêu 12,4%), trong đó, đã có 236 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và đã có 19 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. 12 tỉnh, thành phố có 100% số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM; bình quân cả nước đạt 16,38 tiêu chí/xã (vượt mục tiêu bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã). Từ đầu năm 2018, cả nước đã không còn xã dưới 5 tiêu chí (hoàn thành mục tiêu sớm trước 03 năm).

Bên cạnh đó, có 173 đơn vị cấp huyện thuộc 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (chiếm khoảng 26% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước);





- Có 04 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hưng Yên, Hà Nam) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

2. Những điểm mới của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025

Với số lượng địa phương đã đạt chuẩn NTM chiếm tỷ lệ khá cao, một trong những mục tiêu quan trọng được Đảng, Quốc hội và Chính phủ đặt ra trong giai đoạn mới là nâng cao chất lượng đạt chuẩn, hướng tới xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Cụ thể, theo mục tiêu đến năm 2025, trong số các xã, huyện đã đạt chuẩn NTM phấn đấu có ít nhất có 40% xã NTM nâng cao, 10% số xã NTM kiểu mẫu và 20% số huyện NTM nâng cao và kiểu mẫu.

Ngày 8/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định về Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; huyện NTM, NTM nâng cao, quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025.



| STT | Bộ tiêu chí | Cấp độ | Giai đoạn 2016 - 2020 | Giai đoạn 2021 - 2025 | Mã QR |
|-----|-------------|---------------------|---|---|---|
| 1 | Cấp xã | Đạt chuẩn | Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 | Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 |  |
| | | Nâng cao | Chưa có, chỉ có hướng dẫn của Bộ NN-PTNT | | |
| | | Kiểu mẫu | Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 | Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 |  |
| 2 | Cấp huyện | Đạt chuẩn | Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 | Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 |  |
| | | Nâng cao | Chưa có | | |
| 3 | Cấp tỉnh | Hoàn thành nhiệm vụ | Quyết định số 1274/QĐ-TTg ngày 19/8/2020 | Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 |  |

Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp (xã, huyện, tỉnh) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) để thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 đã có sự kế thừa của giai đoạn 2016-2020, trong đó nhiều quy định đã được bổ sung, điều chỉnh hoặc loại bỏ cho phù hợp với thực trạng, bối cảnh và các quy định hiện hành.

Đặc biệt, trong giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã quy định bổ sung Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao, huyện NTM nâng cao (là điểm mới so với các giai đoạn trước).

Các nội dung được bổ sung hầu hết đều hướng tới việc nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng NTM. Trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025, vấn đề về lồng ghép giới đã được rà soát và chú trọng trong các quy định của Bộ tiêu chí (đánh giá tỉ lệ đạt được của các chỉ tiêu, tiêu chí đối với cả nam và nữ). Đặc biệt, tiêu chí tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao được bổ sung.

Việc lấy ý kiến hài lòng của người dân cũng đã được đưa vào và quy định tỉ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM đạt ở mức cao hơn (từ 90% trở lên so với trước đây là 80%).

Quan điểm về xây dựng NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu:

Tuân thủ tính kế thừa, tránh nóng vội đốt cháy giai đoạn

Đảm bảo tính toàn diện

Đảm bảo tính bền vững

Đảm bảo tính đặc trưng của mô hình

Tránh căn bệnh hành chính, thành tích

3. Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025
(theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ)

Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 vẫn giữ nguyên bố cục và nội hàm chính của 19 tiêu chí trong giai đoạn 2016 - 2020; nhưng số chỉ tiêu cụ thể được tăng lên, gồm 57 chỉ tiêu (tăng 08 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020).

3.1. Nhóm nội dung tiêu chí về quy hoạch

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|--------------------|--|----------------|
| Tiêu chí Quy hoạch | Có quy hoạch chung xây dựng xã* được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 -2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn. | Đạt |
| | Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch. | |

* Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với nhóm nội dung tiêu chí về quy hoạch.



3.2. Nhóm nội dung tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|------------------------------------|---|-------------------------------|
| Giao thông | Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | 100% |
| | Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | ≥90% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (do UBND cấp tỉnh quy định cụ thể) | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | |
| Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | Đạt |
| | Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | |
| Điện | Hệ thống điện đạt chuẩn | Đạt |
| | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | ≥98% (khác nhau theo vùng) |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|---------------------------|---|---------------------------------------|
| Trường học | Tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định | BỘ GDĐT quy định |
| Cơ sở vật chất văn hóa | Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định | |
| | Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa; nhà sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | 100% |
| CSHT thương mại nông thôn | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa | UBND cấp tỉnh quy định |
| Thông tin và Truyền thông | Xã có điểm phục vụ bưu chính | Bộ Thông tin và Truyền thông quy định |
| | Xã có dịch vụ viễn thông, internet | |
| | Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn | |
| Nhà ở dân cư | Nhà tạm, dột nát | Không |
| | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | UBND cấp tỉnh quy định |

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với nhóm nội dung tiêu chí về hạ tầng Kinh tế - xã hội.



3.3. Nhóm nội dung tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | | Chỉ tiêu chung |
|----------------|---|----------|----------------------------|
| Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) (khác nhau theo vùng) | Năm 2021 | ≥45 |
| | | Năm 2022 | ≥48 |
| | | Năm 2023 | ≥51 |
| | | Năm 2024 | ≥54 |
| | | Năm 2025 | ≥57 |
| Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 | | Bộ LĐ-TB-XH công bố |
| Lao động | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | | ≥75% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ | | ≥25% (khác nhau theo vùng) |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|--|---|------------------------|
| Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | Xã có HTX hoạt động hiệu quả | Đạt |
| | Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | Đạt |
| | Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường | |
| Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả | | |

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với nhóm nội dung tiêu chí về Kinh tế và tổ chức sản xuất.



3.4. Nhóm nội dung tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|---------------------------------|---|-------------------------------|
| Giáo dục | Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, xóa mù chữ | Do Bộ GD-ĐT quy định |
| | Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) | ≥85% (khác nhau theo vùng) |
| Y tế | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | ≥90% (khác nhau theo vùng) |
| | Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Đạt |
| | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi | ≤18% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử | ≥60% (khác nhau theo vùng) |
| Văn hóa | Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng NTM | UBND cấp tỉnh quy định |
| Môi trường và an toàn thực phẩm | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch | ≥45% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề bảo đảm quy định về môi trường | ≥95% (khác nhau theo vùng) |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|----------|--|-------------------------------|
| | Cảnh quan, không gian xanh – sạch – đẹp, an toàn; không xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt |
| | Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥2% |
| | Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | ≥80% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường | 100% |
| | Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ | ≥85% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥70% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% |
| | Tỷ lệ chất thải phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥50% (khác nhau theo vùng) |

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với nhóm nội dung tiêu chí về Văn hóa - xã hội - môi trường.



3.5. Nhóm nội dung tiêu chí hệ thống chính trị

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|--|---|------------------------|
| Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật | Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | Đạt |
| | Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt |
| | Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 100% |
| | Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | Đạt |
| | Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội | Đạt |
| | Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn | UBND cấp tỉnh quy định |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|-----------------------|--|----------------|
| Quốc phòng và an ninh | Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng | Đạt |
| | Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; Có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt |

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với nhóm nội dung tiêu chí về Hệ thống chính trị.



- Quy định về Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc huyện nghèo và huyện vừa thoát nghèo được chủ động áp dụng mức đạt chuẩn NTM của vùng Trung du miền núi phía Bắc. Đây là điểm quy định mới để tháo gỡ các khó khăn cho một số địa phương trong giai đoạn 2016-2020.

- Bộ tiêu chí đã điều chỉnh tên và nội dung 15 tiêu chí; lược bỏ 02 chỉ tiêu (về tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động và có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định) do hầu hết các địa phương đã đáp ứng được yêu cầu này; bổ sung 08 chỉ tiêu mới cho phù hợp với các chính sách mới ban hành và yêu cầu thực tế xây dựng xã NTM (gồm các chỉ tiêu liên quan đến lao động qua đào tạo; truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm chủ lực; phân loại rác thải nguồn; thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa; bồi dưỡng kiến thức xây dựng nông thôn mới cho người dân và cộng đồng...).

- Về cơ bản quy định thống nhất áp dụng trong toàn quốc để thực hiện, đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

+ Quy định một số chỉ tiêu để vận dụng (*bao gồm 13 chỉ tiêu thuộc 09 tiêu chí*) là những chỉ tiêu có thể cần ở mức độ khác nhau; giao UBND cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, quy định việc áp dụng cụ thể đối với các nhóm xã để phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển KTXH và khả năng của người dân từng xã, đặc điểm văn hoá của từng dân tộc.

+ Các chỉ tiêu còn lại (*bao gồm 44 chỉ tiêu thuộc 17 tiêu chí*) là những chỉ tiêu cơ bản, trực tiếp phản ánh yêu cầu thiết yếu về sản xuất và đời sống của người dân ở nông thôn; là cơ sở để thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí khác hoặc có tác động thúc đẩy đến một số chỉ tiêu, tiêu chí khác; quy định thống nhất và áp dụng chung đối với tất cả các xã theo từng vùng.

4. Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025

(theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao là quy định mới của giai đoạn 2021-2025 (trong giai đoạn 2016-2020 chưa quy định), bao gồm 19 tiêu chí, 75 chỉ tiêu (tăng 18 chỉ tiêu so với Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025).

Một số nội dung đã được bổ sung, quy định mới so với Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025:

Xã nông thôn mới nâng cao:

- Quản lý công trình thủy lợi và áp dụng tưới tiên tiến, kiểm kê nguồn xả thải vào công trình thủy lợi
- Giáo dục thể chất và cộng đồng học tập
- Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa
- Có mạng di động wifi miễn phí ở các điểm công cộng
- Sản phẩm OCOP, mua bán qua thương mại điện tử, cấp mã số sản xuất, du lịch nông thôn...
- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị
- Quản lý sức khỏe điện tử và khám chữa bệnh từ xa
- Hành chính công và tiếp cận pháp luật
- Tái chế phụ phẩm nông nghiệp
- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng từ 5 - 10%
- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn...

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung | |
|------------|---|---|------------------------|
| Quy hoạch | Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch | UBND cấp tỉnh quy định | |
| | Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch | | |
| | Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên | | |
| Giao thông | Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định | | UBND cấp tỉnh quy định |
| | | Được cứng hóa và bảo trì hàng năm | 100% |
| | Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản ấp | Có các hạng mục cần thiết theo quy định và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp | UBND cấp tỉnh quy định |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|------------------------------------|--|-------------------------------|
| Giao thông | Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp | ≥90% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa | UBND cấp tỉnh quy định |
| Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động | ≥90% |
| | Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững | Đạt |
| | Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm | |
| | Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi | Đạt |
| | Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Khá |
| Điện | Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định | ≥99% (khác nhau theo vùng) |
| Giáo dục | Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 | 100% |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|------------------------------------|---|--|
| Giáo dục | Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi | Đạt |
| | Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS | Mức độ 3 |
| | Đạt chuẩn xóa mù chữ | Mức độ 2 |
| | Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại | Khá |
| | Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền | UBND cấp tỉnh quy định |
| Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm | UBND cấp tỉnh quy định |
| Thông tin và truyền thông | Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân | Bộ Thông tin và truyền thông quy định cụ thể |
| | Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh | |
| | Có dịch vụ báo chí truyền thông | |
| | Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới | |
| | Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) | UBND cấp tỉnh quy định |

| Chỉ tiêu | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung | |
|----------------|---|---------------------------|-----|
| Nhà ở dân cư | Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | UBND cấp tỉnh quy định | |
| Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm) (khác nhau theo vùng) | Năm 2021 | ≥54 |
| | | Năm 2022 | ≥58 |
| | | Năm 2023 | ≥62 |
| | | Năm 2024 | ≥62 |
| | | Năm 2025 | ≥70 |
| Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 | Bộ LĐ-TB&XH quy định | |
| Lao động | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | ≥80 (khác nhau theo vùng) | |
| | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ | ≥30 (khác nhau theo vùng) | |
| | Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn | UBND cấp tỉnh quy định | |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|--|---|----------------------------|
| Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định | ≥1 |
| | Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm | ≥1 |
| | Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử | |
| | Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng | |
| | Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | |
| Y tế | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | ≥95% |
| | Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe | ≥90% |
| | Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa | ≥40% |
| | Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử | ≥75% (khác nhau theo vùng) |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|--------------------|--|--------------------------------------|
| Hành chính công | Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên | Đạt |
| | Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp | Đạt |
| Tiếp cận pháp luật | Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận | ≥ 1 |
| | Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công | $\geq 90\%$ |
| | Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu | $\geq 90\%$ |
| Môi trường | Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường | Đạt |
| | Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | 100% |
| | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định | $\geq 90\%$ (khác nhau theo vùng) |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|------------|---|----------------------------|
| Môi trường | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả | ≥40% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥50% |
| | Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% |
| | Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80% |
| | Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥85% (khác nhau theo vùng) |
| | Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng | ≥5% (khác nhau theo vùng) |
| | Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥4m ² /người |
| | Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥80% (khác nhau theo vùng) |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|----------------------------|---|----------------------------|
| Chất lượng môi trường sống | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước trung tâm | ≥55% (khác nhau theo vùng) |
| | Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥60 lít |
| Chất lượng môi trường sống | Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥35% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm | 100% |
| | Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã | Không |
| | Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm | UBND cấp tỉnh quy định |
| | Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch | ≥95% (khác nhau theo vùng) |
| | Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường | 100% |

| Tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu chung |
|-----------------------|---|-------------------------------|
| Quốc phòng và An ninh | Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | UBND cấp tỉnh quy định cụ thể |

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.



Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 đã nâng cao chất lượng của 37 chỉ tiêu (so với Bộ tiêu chí xã NTM), bổ sung 32 chỉ tiêu mới và điều chỉnh nội hàm 6 chỉ tiêu để phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc các chính sách mới ban hành trong thời gian qua và yêu cầu thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Trong đó:

- Quy định một số chỉ tiêu để vận dụng (bao gồm 25 chỉ tiêu thuộc 13 tiêu chí) là những chỉ tiêu có thể yêu cầu ở mức độ khác nhau (giao UBND cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành liên quan, quy định việc áp dụng cụ thể đối với các nhóm xã để phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển KT-XH và khả năng của người dân từng xã, đặc điểm văn hoá của từng dân tộc;

- Các chỉ tiêu còn lại (bao gồm 52 chỉ tiêu thuộc 14 tiêu chí) là những chỉ tiêu cơ bản, trực tiếp phản ánh yêu cầu thiết

yếu về sản xuất và đời sống của người dân ở nông thôn; là cơ sở để thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí khác hoặc có tác động thúc đẩy đến một số chỉ tiêu, tiêu chí khác; sẽ quy định thống nhất và áp dụng chung đối với tất cả các xã theo từng vùng.

5. Quy định về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025

(theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Về cơ bản, quy định về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trao quyền cho các địa phương quy định các chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể; trong đó điểm mới hơn Quyết định số 691/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2018-2020 chính là yêu cầu về việc có ít nhất một mô hình thôn thông minh gắn với việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.



Quy định về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025:

- Là xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.
- Thu nhập bình quân đầu người phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã NTM nâng cao tại cùng thời điểm;
- Có ít nhất một mô hình thôn thông minh, do UBND cấp tỉnh quy định cụ thể;
- Đạt tiêu chí quy định xã NTM kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số...) mang giá trị đặc trưng của địa phương, do UBND cấp tỉnh ban hành.

6. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021-2025

(Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Quy định thống nhất áp dụng trong toàn quốc để thực hiện, đánh giá, xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM.



Huyện đạt chuẩn NTM:

Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới

Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh

Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|------------------------------------|--|----------------|
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn | Đạt |
| | | 1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt | ≥01 công trình |
| 2 | Giao thông | 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm | Đạt |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch | 100% |
| | | 2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường | ≥50% |
| | | 2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên | Đạt |
| 3 | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch | Đạt |
| | | 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Đạt |
| 4 | Điện | Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|---------------------------|--|----------|
| 5 | Y tế - Văn hóa - Giáo dục | 5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn | Đạt |
| | | 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã | Đạt |
| | | 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên | ≥60% |
| | | 5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục | Cấp độ 1 |
| 6 | Kinh tế | 6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn | Đạt |
| | | 6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm | Đạt |
| | | 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện | Đạt |
| | | 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|--------------|--|----------------------|
| 7 | Môi trường | 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh | Đạt |
| | | 7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | $\geq 40\%$ |
| | | 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên | ≥ 01 mô hình |
| | | 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp | ≥ 01 công trình |
| | | 7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu | Đạt |
| | | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | $\geq 2m^2/$ người |
| | | 7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | $\geq 50\%$ |
| | | 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định | 100% |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|--|--|------------------------------------|
| 8 | Chất lượng môi trường sống | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Bộ NNPT NT công bố chỉ tiêu cụ thể |
| | | 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥35% |
| | | 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện | Đạt |
| | | 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn | Đạt |
| | | 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% |
| 9 | Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công | 9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt |
| | | 9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 100% |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|--|--|----------|
| | Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công | 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Không |
| | | 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự | Đạt |
| | | 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên | Đạt |
| | | 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | Đạt |

Hướng dẫn của các Bộ ngành đối với Bộ tiêu chí huyện NTM.



Bộ tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2021-2025: Giữ nguyên số lượng 09 tiêu chí, gồm 39 chỉ tiêu (tăng 22 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016 - 2022), trong đó:

- Điều chỉnh nội hàm, tên, nội dung 03 tiêu chí (*gồm các tiêu chí số 3, 8, 9*);

- Lược bỏ 02 chỉ tiêu cũ (*chỉ tiêu 9.1 và 9.2*);

- Bổ sung 24 chỉ tiêu mới cho phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc các chính sách mới ban hành trong thời gian qua và yêu cầu thực tế xây dựng huyện NTM.

Như vậy, số chỉ tiêu được bổ sung mới là khá nhiều, bao gồm các nhóm: (1) Việc đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch vùng huyện; (2) trồng cây xanh dọc các tuyến đường huyện; (3) đảm bảo phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ; (4) kiểm định đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; (5) việc đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chợ, có trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả; (7) việc tái chế chất thải nông nghiệp, xử lý nước thải sinh hoạt, trồng cây xanh phân tán, xử lý chất thải nhựa và hạ tầng các điểm trung chuyển chất thải trên địa bàn; (8) nước sạch và xây dựng cảnh quan môi trường; (9) về chất lượng của chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội, an ninh trật tự và dịch vụ công trực tuyến về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.

7. Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM

(Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được quy định tại phụ lục II kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM (đáp ứng đầy đủ mức đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025).

Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.

Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM của thị xã, thành phố đạt từ 90% trở lên.

Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5m²/người.

8. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025

(Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Yêu cầu đối với huyện đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025:

Là huyện đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí hiện hành (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025).

Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên).



| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|------------------------------------|---|------------------------|
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn | UBND cấp tỉnh quy định |
| | | 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt | |
| 2 | Giao thông | 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa | Đạt |
| | | 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp | 100% |
| | | 2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên | Đạt |
| 3 | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số | Đạt |
| | | 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện | Đạt |
| | | 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Khá |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|---------------------------|---|------------------------|
| 4 | Điện | Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan | Đạt |
| 5 | Y tế - Văn hóa - Giáo dục | 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) | ≥95% |
| | | 5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao | UBND cấp tỉnh quy định |
| | | 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả | |
| | | 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 | Đạt |
| | | 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục | Cấp độ 2 |
| 6 | Kinh tế | 6.1. Có khu công nghiệp được lắp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lắp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|--------------|---|----------|
| | Kinh tế | 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến | Đạt |
| | | 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định | Đạt |
| | | 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả | Đạt |
| | | 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội | Đạt |
| 7 | Môi trường | 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định | ≥95% |
| | | 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% |
| | | 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường | ≥80% |
| | | 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥70% |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|----------------------------|---|------------------------------------|
| | Môi trường | 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp | ≥50% |
| | | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn | ≥4m ² / người |
| | | 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện | Đạt |
| | | 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định | ≥85% |
| 8 | Chất lượng môi trường sống | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | Bộ NN PTNT công bố chỉ tiêu cụ thể |
| | | 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm | ≥80 lít |
| | | 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững | ≥40% |
| | | 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường | ≥01 mô hình |
| | | 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu |
|----|------------------------------------|--|------------------------|
| | Chất lượng môi trường sống | 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% |
| | | 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | 100% |
| | | 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện | Không |
| | | 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh | UBND cấp tỉnh quy định |
| 9 | An ninh, trật tự - Hành chính công | 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao | Đạt |
| | | 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến | Mức độ 4 |

Hướng dẫn của các bộ ngành đối với Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao





- Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025: bao gồm 09 tiêu chí, 38 chỉ tiêu (tăng 02 chỉ tiêu so với Bộ tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2021-2025), trong đó có 23 chỉ tiêu nâng cao chất lượng, 13 chỉ tiêu bổ sung mới và 02 chỉ tiêu tiếp tục duy trì thực hiện (gồm chỉ tiêu: có mô hình xử lý nước mặt như ao, hồ đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; cảnh quan, không gian trên địa bàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp) để phù hợp với các chính sách mới ban hành trong thời gian qua và yêu cầu thực tế xây dựng huyện NTM nâng cao.

- Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao quy định một số chỉ tiêu để vận dụng (bao gồm 05 chỉ tiêu thuộc 03 tiêu chí) là những chỉ tiêu có thể cần ở mức độ khác nhau, giao UBND cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, quy định việc áp dụng cụ thể đối với các nhóm huyện để phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đối với 13 chỉ tiêu bổ sung mới, tập trung vào các nội dung về: (1) Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, công viên hoặc quảng trường; (2) Phát triển sản phẩm OCOP và du lịch nông thôn; (3) Bảo vệ môi trường làng nghề và cấp nước sạch, cải tạo cảnh quan, đảm bảo an toàn thực phẩm và (4) Mô hình xã, thôn thông minh.

9. Hướng dẫn thực hiện xây dựng huyện NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022), sau khi có huyện được chính

thúc công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan sẽ nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện xây dựng huyện NTM kiểu mẫu đảm bảo theo hướng khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương, làm hình mẫu để các địa phương khác tham quan, học tập, triển khai nhân rộng. Dự kiến trong năm 2023 sẽ xây dựng và hoàn thiện văn bản hướng dẫn này.



10. Cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025

Quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022.

Quét mã QR code để xem Quyết định của Thủ tướng Chính phủ



Yêu cầu đối với cấp tỉnh hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025:

100% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025.

(2) 100% số thị xã/thành phố trên địa bàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

(3) Có ít nhất 20% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

(4) Có ít nhất 40% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025;

(5) Có Đề án xây dựng NTM toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021-2025 được HĐND cấp tỉnh thông qua.

(6) Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường;

(7) Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4 m²/người.

(8) Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý đạt từ 90% trở lên.



Quy định về tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 có bổ sung thêm một số nội dung so với Quyết định số 1274/QĐ-TTg ngày 19/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đó là phải có xã NTM nâng cao, huyện NTM nâng cao; có Đề án xây dựng NTM trên toàn tỉnh, thành phố; việc trồng cây xanh trên các tuyến đường và tỉ lệ đất cây xanh công cộng; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.



PHẦN

3

**QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ,
XÉT CÔNG NHÂN ĐỊA PHƯƠNG
ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**



Ngày 02/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Quét mã QR code để xem Quyết định của Thủ tướng Chính phủ



1. Nguyên tắc thực hiện

- Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục...

2. Thẩm quyền công nhận, thu hồi quyết định công nhận

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh công nhận, thu hồi quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Thủ tướng Chính phủ công nhận, thu hồi quyết định công nhận: Huyện đạt chuẩn NTM, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

3. Điều kiện xét, công nhận

Địa phương được công nhận đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu khi:

- 1) Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của bộ tiêu chí tương ứng với cấp độ (tỉnh, huyện, xã) và mức độ xét (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu).
- 2) Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.
- 3) Xã không phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an.

4. Điều kiện xét, thu hồi quyết định công nhận

| | Điều kiện xét, thu hồi |
|-------------------|--|
| Đối với cấp xã | Có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí xã (trong đó có một trong các tiêu chí: Thu nhập; Môi trường và an toàn thực phẩm; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Quốc phòng và An ninh). |
| | Có từ 50% số tiêu chí xã trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM theo mức độ đã được công nhận. |
| Đối với cấp huyện | Có từ 30% số xã trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM. |
| | Có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí huyện (trong đó có một trong các tiêu chí: Kinh tế; Môi trường; Chất lượng môi trường sống; Hệ thống chính trị - An ninh, trật tự - Hành chính công; An ninh, trật tự - Hành chính công). |

| Điều kiện xét, thu hồi | |
|------------------------|---|
| | Có từ 50% số tiêu chí huyện trở lên không đáp ứng mức đạt chuẩn theo yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM theo mức độ đã được công nhận. |
| Đối với cấp tỉnh | Có từ 30% số xã trở lên bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM. |

5. Điểm mới của Quy trình



*Bộ trưởng Bộ NN-PTNT Lê Minh Hoan (thứ ba từ phải sang)
và Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái Đỗ Đức Duy (thứ hai từ phải sang)
thăm mô hình phát triển du lịch cộng đồng
tại Suối Giàng (huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái)*

Về cơ bản, Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung của Quyết định số 2540/QĐ-TTg và Quyết định số 1274/QĐ-TTg áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, tuy nhiên,

có một số điểm mới sau:

- *Về hình thức văn bản*: Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg là văn bản quy phạm pháp luật trong khi các quy định tương tự trước đó (Quyết định số 2540/QĐ-TTg và Quyết định số 1274/QĐ-TTg) là các văn bản cá biệt. Vì thế, có thể khẳng định tính pháp lý của Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg là cao hơn, có tính bắt buộc áp dụng hơn so với trước đây.

- *Về phạm vi điều chỉnh*: Trong các Quyết định số 2540/QĐ-TTg và số 1274/QĐ-TTg, chỉ quy định công nhận và công bố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với các cấp xã, huyện, tỉnh. Tuy nhiên, trong Quyết định này, đã bổ sung quy định thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

- *Về thẩm quyền xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận*: Ngoài việc kế thừa nội dung quy định về thẩm quyền xét, công nhận và công bố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với các cấp xã, huyện, tỉnh (tại các Quyết định số 2540/QĐ-TTg và số 1274/QĐ-TTg), trong Quyết định này, đã bổ sung thẩm quyền xét, thu hồi quyết định công nhận: Xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao, thị xã/thành phố thuộc cấp tỉnh và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

- *Về điều kiện xét, công nhận và điều kiện xét, thu hồi quyết định công nhận*: Trong Quyết định này đã bổ sung điều kiện “Không thuộc diện xã phức tạp về an ninh, trật tự” đối với việc xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM

kiểu mẫu; bổ sung các điều kiện cụ thể để áp dụng thực hiện xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với các cấp xã, huyện, tỉnh.

- Về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với cấp xã, huyện: Bộ điều kiện phải có đăng ký đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với cấp xã, huyện so với quy định trước đó để phù hợp hơn với điều kiện thực tế. Vì thực tế triển khai Chương trình xây dựng NTM thời gian qua cho thấy: Một số địa phương đã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn NTM, nhưng do tác động khách quan (bão, lũ, sạt lở đất...) làm ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn, nên đã không thể đạt chuẩn theo đăng ký; bên cạnh đó, có địa phương chưa đăng ký theo quy định, nhưng trong quá trình triển khai đã nỗ lực phấn đấu vươn lên đạt chuẩn NTM.

- Bộ yêu cầu phải lấy ý kiến của tất cả các xã trong cùng huyện đối với kết quả xây dựng NTM của xã; các huyện trong



cùng tỉnh đối với kết quả xây dựng NTM của huyện: Trên thực tế, ở nhiều địa phương (nhất là khu vực miền núi), khoảng cách giữa nhiều xã, huyện rất xa (có những xã cách xã, huyện cách huyện trên một trăm km), địa hình bị chia cắt... việc cập nhật, nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện xây dựng NTM giữa các xã, huyện trên địa bàn sẽ gặp khó khăn, nên việc lấy ý kiến của tất cả các xã trong cùng huyện đối với kết quả xây dựng NTM của xã và các huyện trong cùng tỉnh đối với kết quả xây dựng NTM của huyện sẽ dẫn đến hình thức, thiếu khách quan.

- *Bổ sung 01 chương mới về quy định xét, thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đối với các cấp xã, huyện, tỉnh (Chương V), trong đó, quy định cụ thể về: Thời điểm thực hiện; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, thu hồi quyết định công nhận huyện đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao, thị xã/ thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, thu hồi quyết định công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.*





6. Hướng dẫn việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025

Ngày 20/9/2022, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 90/HD-MTTW-BTT về việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

6.1. Mục đích, yêu cầu

- Thông qua việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân nhằm khẳng định vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao trách nhiệm của Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc công nhận kết quả xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

- Việc tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới phải đảm bảo khách quan, chính xác và phải được thực hiện một cách độc lập do Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp thực hiện, qua đó thể hiện sự đồng thuận của người dân nhằm góp phần nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới.

6.2. Nội dung, cách thức tổ chức lấy ý kiến

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (mẫu phiếu số 1)

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận xã nông thôn mới nâng cao (mẫu phiếu số 2)

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu (theo mẫu số 3)

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận huyện nông thôn mới (theo mẫu số 4)

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (theo mẫu số 5)

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận huyện nông thôn mới nâng cao (theo mẫu phiếu số 6)

- Lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (theo mẫu phiếu số 7)

Quét mã QR code để tải văn bản hướng dẫn cụ thể của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tại đây:



6.3. Phương thức lấy ý kiến

- *Đối với đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu:* Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn.

- *Đối với đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn NTM/huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:* Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, cấp xã tiến hành lấy ý kiến người dân trên địa bàn.

- *Đối với đề nghị công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM:* Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh, thành phố.

6.4. Tỷ lệ lấy ý kiến trên địa bàn

- Tỷ lệ phiếu lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với đề nghị xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu phải được thực hiện ít nhất 80% tổng số hộ gia đình của các khu dân cư trong xã.

- Tỷ lệ phiếu lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân phải được thực hiện ít nhất 70% số hộ gia đình của các xã thuộc huyện (không tổ chức lấy ý kiến đối với phường, thị trấn).



Thứ trưởng Bộ NN-PTNT Trần Thanh Nam (ngoài cùng bên phải) thăm làng nghề gốm Bò Bát (Ninh Bình).

- Đối với cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:

+ Đối với cấp huyện: Mỗi huyện chọn 30% số xã; mỗi xã chọn 50% số khu dân cư; mỗi khu dân cư chọn 70% số hộ gia đình để lấy ý kiến (không tổ chức lấy ý kiến đối với thị trấn).

+ Đối với thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh: lấy 100% số xã trên địa bàn; mỗi xã chọn 50% khu dân cư; mỗi khu dân cư chọn 70% hộ gia đình để lấy ý kiến (không tổ chức lấy ý kiến đối với phường).

6.5. Công khai kết quả lấy ý kiến

- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến sau khi hoàn thiện phải được niêm yết tại bảng tin của các khu dân cư, Nhà văn

hóa thôn, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; công bố kết quả trên hệ thống thông tin xã (đối với xã đề nghị đạt NTM/NTM nâng cao/NTM kiểu mẫu) và huyện/thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh (đối với đề nghị huyện đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao/ thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM); trên hệ thống truyền thông các báo, Đài phát thanh và truyền hình cấp tỉnh (đối với đề nghị cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM).

- Thời gian niêm yết và công khai trên các phương tiện thông tin là 10 ngày kể từ khi có báo cáo kết quả tổng hợp của Ban Thường trực MTTQ Việt Nam các cấp đối với kết quả xây dựng NTM.



- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp phối hợp với Ban Chỉ đạo (Ban Vận động) xây dựng NTM cùng cấp thống nhất về thời gian, địa điểm và các hình thức niêm yết công khai kết quả tại địa phương. Kết thúc thời gian niêm yết có báo cáo tổng hợp, trong đó nêu rõ những ý kiến phản ánh của người dân đối với kết quả xây dựng NTM của địa phương.

- Quá trình công khai kết quả lấy ý kiến, nếu có ý kiến thắc mắc của người dân ở cấp nào về kết quả lấy ý kiến thì Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp đó có trách nhiệm trả lời. Trường hợp ý kiến trả lời chưa thỏa đáng người dân có thể kiến nghị lên Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp trên trực tiếp.



TÓM LƯỢC TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NTM THEO TỪNG CẤP ĐỘ

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ,
LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ

UBND cấp xã tổ chức đánh giá, gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức CT-XH; Báo cáo được thông báo, công bố công khai rộng rãi và tiếp nhận ý kiến của nhân dân; hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu sau khi nhận được ý kiến bằng văn bản của MTTQ và các tổ chức CT-XH của xã.

TỔ CHỨC THẨM TRA,
LẤY Ý KIẾN, HOÀN
THIỆN HỒ SƠ

UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM đối với từng xã đủ điều kiện theo các cấp độ khác nhau.

Xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra và gửi lấy ý kiến MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp huyện; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia góp ý.

TỔ CHỨC
THẨM ĐỊNH,
CÔNG NHẬN
VÀ CÔNG BỐ

Sở NN-PTNT cấp tỉnh xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM theo các cấp độ.

Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để xét, đề nghị công nhận.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM theo các cấp độ. Sở NN-PTNT hoàn thiện hồ sơ khi kết

**TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ,
LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

UBND xã hợp (gồm các thành viên Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu để xem xét, công nhận và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM theo từng cấp độ (khi kết quả lấy ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp đạt từ 90% trở lên) và trình UBND cấp huyện.

**TỔ CHỨC THĂM TRA,
LẤY Ý KIẾN, HOÀN
THIỆN HỒ SƠ**

Mặt trận Tổ quốc chủ trì, tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã.

UBND cấp huyện tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận; hoàn thiện hồ sơ gửi đến Sở NN-PT-NT cấp tỉnh.

**TỔ CHỨC
THĂM ĐỊNH,
CÔNG NHẬN
VÀ CÔNG BỐ**

quả nhất trí của các thành viên Hội đồng dự họp đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận.

Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM (theo các cấp độ)

TÓM LƯỢC TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM THEO TỪNG CẤP ĐỘ

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ,
LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ

UBND cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn, công bố công khai rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của nhân dân;

TỔ CHỨC THẨM
TRA, LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ

UBND cấp tỉnh thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM đối với từng xã đủ điều kiện.

Sở NN-PTNT xây dựng báo cáo và báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn.

UBND cấp tỉnh công bố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận và công bố rộng rãi, tiếp nhận ý kiến đóng góp của nhân dân.

TỔ CHỨC THẨM
ĐỊNH, CÔNG NHẬN
VÀ CÔNG BỐ

Bộ trưởng Bộ NN-PTNT thành lập Hội đồng thẩm định TW để xét, đề nghị huyện đạt chuẩn NTM theo từng cấp độ gồm: Đại diện lãnh đạo một số bộ, ngành trung ương và chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan.

Văn phòng Điều phối NTM Trung ương rà soát hồ sơ từng huyện, thị xã, thành phố đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận và báo cáo Bộ NN-PTNT.

**TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ,
LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

UBND cấp huyện tổ chức họp, sau đó thực hiện các bước hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng NTM; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận huyện, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và gửi Sở NN-PTNT.

**TỔ CHỨC THẨM
TRA, LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

UBND cấp tỉnh gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của MTTQ, các tổ chức CT-XH và hoàn thiện báo cáo; sau đó bổ sung hoàn thiện báo cáo khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh.

UBND cấp tỉnh tổ chức họp để hoàn thiện hồ sơ gửi đến Văn phòng Điều phối NTM Trung ương

**TỔ CHỨC THẨM
ĐỊNH, CÔNG NHẬN
VÀ CÔNG BỐ**

Trường hợp Hội đồng thẩm định TW thông qua và đề nghị công nhận, UBND cấp tỉnh nghiên cứu, tiếp thu giải trình hoàn thiện hồ sơ, gửi Bộ NN-PTNT để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận.

Văn phòng Chính phủ thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, CÔNG NHẬN CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NTM

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ,
LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH,
CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ

UBND cấp tỉnh tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM cấp tỉnh; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn; báo cáo được công bố rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của nhân dân.

UBND cấp tỉnh bổ sung hoàn thiện báo cáo sau khi nhận được ý kiến tham gia góp ý bằng văn bản của MTTQ, các tổ chức CT- XH và UBND cấp huyện trên địa bàn cấp tỉnh.

Trường hợp cấp tỉnh chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ NN-PTNT trả lời bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh và nêu rõ lý do.

Bộ trưởng Bộ NN-PTNT thành lập Hội đồng thẩm định TW xét, đề nghị công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định TW thành lập Đoàn công tác liên ngành đi khảo sát, kiểm tra thực tế tại địa phương.

**TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ,
LẤY Ý KIẾN,
HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

MTTQ chủ trì, phối hợp với các tổ chức CT-XH cấp tỉnh tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn.

UBND cấp tỉnh tổ chức họp (gồm các thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh và đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện trên địa bàn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp đạt từ 90% trở lên), sau đó gửi Bộ NN-PTNT

**TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH,
CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ**

Trường hợp Hội đồng thẩm định TW thông qua và đề nghị công nhận, UBND cấp tỉnh nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ, gửi Bộ NN-PTNT để Bộ tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Văn phòng Chính phủ thẩm tra, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

LỜI KẾT

Đến tháng 5/2023, cả nước có 6.014 trong tổng số hơn 8.211 xã (73,24%) đạt chuẩn NTM. Trong đó có 1.301 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 156 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã. Có 258 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM. 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 05 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Có thể nói, vấn đề phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm và ngày càng hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách để huy động tối đa mọi nguồn lực triển khai thực hiện, điển hình là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM được triển khai rộng khắp trên phạm vi toàn quốc từ năm 2010 đến nay.



Trong đó, Bộ tiêu chí quốc gia NTM các cấp và các mức độ khác nhau không ngừng được cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo hướng ngày càng nâng cao hơn các chỉ tiêu cho phù hợp với bối cảnh mới, tình hình mới, qua đó xây dựng những miền quê đáng sống; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

Quy trình xét, công nhận xã, huyện (thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh), tỉnh/thành phố (cấp trung ương) đạt chuẩn NTM theo các mức độ khác nhau được thực hiện thống nhất trên toàn quốc, công khai, minh bạch, đặc biệt là lấy ý kiến về sự hài lòng của nhân dân là bước đột phá quan trọng để “chấm điểm” kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia NTM ngày càng thực chất hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đời sống của người dân nông thôn./



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 3

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Các nội dung thành phần của Chương trình 6

2. Cơ chế thực hiện 12

2.1. Cơ chế phân bổ vốn ngân sách trung ương 12

2.2. Cơ chế hỗ trợ 13

2.3. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án 15

PHẦN II: BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Bộ tiêu chí về NTM giai đoạn 2010 - 2020 19

2. Những điểm mới của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 22

3. Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 - 2025 24

3.1. Nhóm nội dung tiêu chí về quy hoạch 25

3.2. Nhóm nội dung tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội 26

3.3. Nhóm nội dung tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất 28

3.4. Nhóm nội dung tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường. 30

| | |
|--|----|
| 3.5. Nhóm nội dung tiêu chí hệ thống chính trị | 32 |
| 4. Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025..... | 35 |
| 5. Quy định về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 | 45 |
| 6. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025..... | 46 |
| 7. Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM..... | 54 |
| 8. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025..... | 55 |
| 9. Hướng dẫn thực hiện xây dựng huyện NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 | 62 |
| 10. Cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025..... | 63 |

PHẦN III: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XÉT CÔNG NHẬN ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

| | |
|--|----|
| 1. Nguyên tắc thực hiện | 68 |
| 2. Thẩm quyền công nhận, thu hồi quyết định công nhận .. | 69 |
| 3. Điều kiện xét, công nhận | 69 |
| 4. Điều kiện xét, thu hồi quyết định công nhận | 70 |

| | |
|---|----|
| 5. Điểm mới của Quy trình | 70 |
| 6. Hướng dẫn việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 | 74 |
| 6.1. Mục đích, yêu cầu..... | 74 |
| 6.2. Nội dung, cách thức tổ chức lấy ý kiến | 75 |
| 6.3. Phương thức lấy ý kiến | 76 |
| 6.4. Tỷ lệ lấy ý kiến trên địa bàn..... | 76 |
| 6.5. Công khai kết quả lấy ý kiến..... | 77 |
| 7. Tóm lược trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM theo từng cấp độ | 80 |
| LỜI KẾT | 86 |



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung:

Giám đốc - Tổng Biên tập: Trần Chí Đạt

Biên tập : Nguyễn Thị Lê
Nguyễn Kiều Minh Trang
Trình bày sách : Nguyễn Lê Vi
Sửa bản in : Nguyễn Lê Vi
Thiết kế bìa : Trần Phong

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Website: nxbthongtintruyenthong.vn, book365.vn

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng,
Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội

Điện thoại: ĐT Biên tập: 024.35772143/024.35772141

ĐT Phát hành: 024.35772138/40

E-mail: nxb.tttt@mic.gov.vn

In 600 bản, khổ 14,5x20,5 cm

Tại: Công ty TNHH In Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1827-2023/CXBIPH/2-57/TTTT

Số quyết định xuất bản: 177/QĐ-NXB TTTT ngày 12 tháng 6 năm 2023

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2023

ISBN:978-604-80-8023-5



Cẩm nang

NÔNG THÔN MỚI

Giai đoạn 2021-2025

ISBN: 978-604-80-8023-5



9 786048 080235

SÁCH KHÔNG BÁN